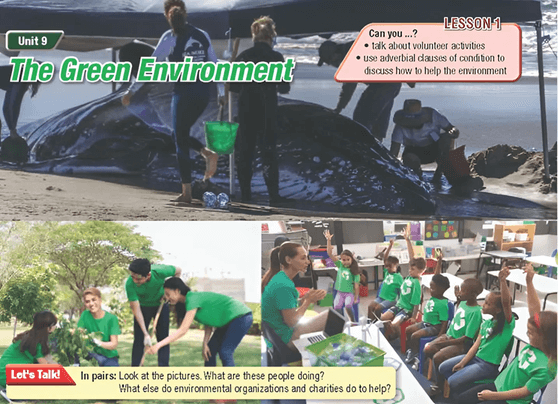
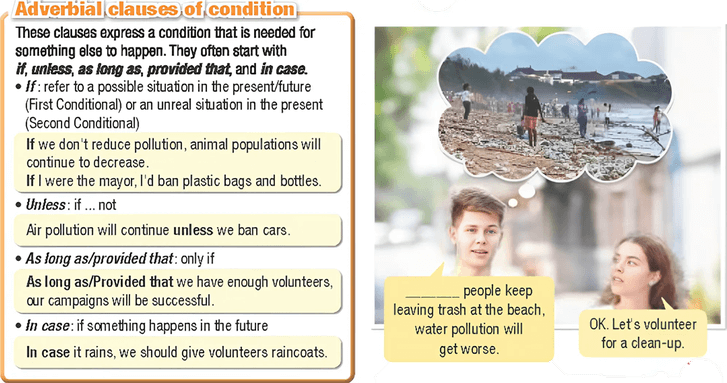
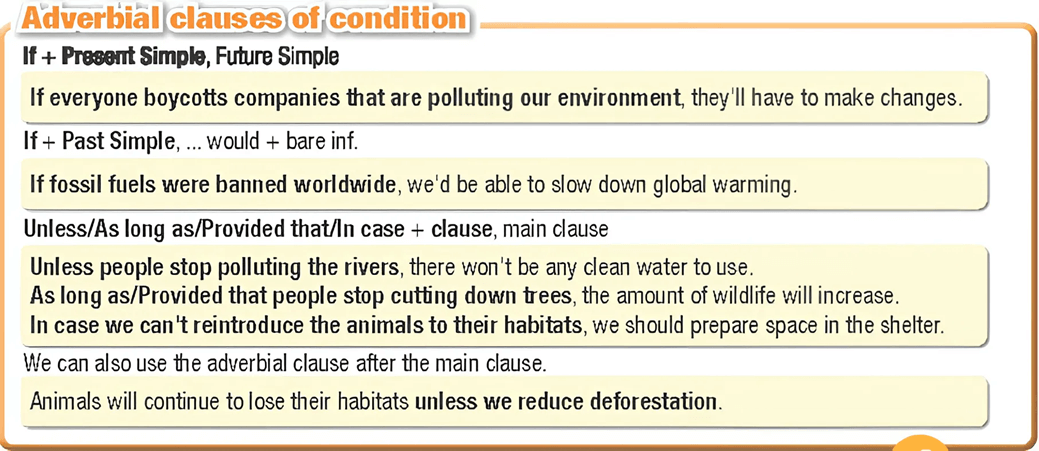
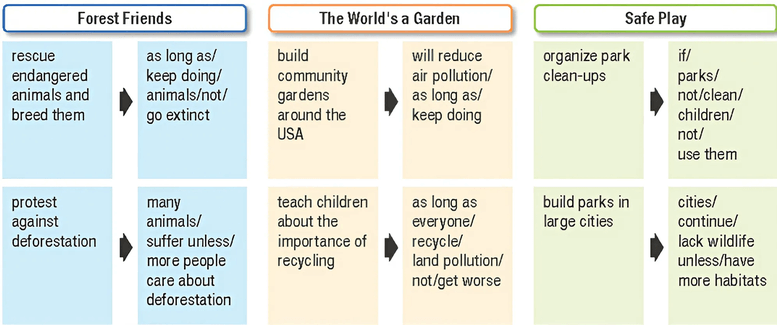
# Unit 9 Lesson 1 (trang 98, 99, 100, 101)

**Tiếng Anh lớp 12 Unit 9 Lesson 1** **(trang 98, 99, 100, 101) - ILearn Smart World**  
**Let's Talk! (trang 98 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What are these people doing? What else do environmental organizations and charities do to help? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Những người này đang làm gì? Các tổ chức môi trường và tổ chức từ thiện còn làm gì khác để giúp đỡ?)  
  
**Gợi ý:**  
They are taking care of a shark, planting a tree and teaching children about plastic wastes.  
Environmental organizations and charities undertake a wide range of activities to help protect the environment. Many organizations engage in advocacy efforts to influence policymakers and advocate for environmental policies and regulations that promote conservation and sustainability. They may lobby for the implementation of laws to protect natural habitats, reduce pollution, and combat climate change. Environmental organizations often conduct outreach programs and educational initiatives to raise awareness about environmental issues and promote eco-friendly behaviors. They may organize workshops, seminars, and community events to educate the public about topics such as recycling, energy conservation, and habitat preservation. Some organizations conduct scientific research and environmental monitoring to assess the health of ecosystems, track changes in biodiversity, and identify emerging environmental threats. They may collect data on air and water quality, wildlife populations, and habitat degradation to inform conservation strategies and policy decisions.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Họ đang chăm sóc cá mập, trồng cây và giáo dục cho trẻ em về rác thải nhựa.  
Các tổ chức môi trường và tổ chức từ thiện thực hiện nhiều hoạt động để giúp bảo vệ môi trường. Nhiều tổ chức tham gia vào các nỗ lực vận động nhằm gây ảnh hưởng đến các nhà hoạch định chính sách và ủng hộ các chính sách và quy định về môi trường nhằm thúc đẩy bảo tồn và phát triển bền vững. Họ có thể vận động hành lang để thực thi luật bảo vệ môi trường sống tự nhiên, giảm ô nhiễm và chống biến đổi khí hậu. Các tổ chức môi trường thường tiến hành các chương trình tiếp cận cộng đồng và các sáng kiến giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường và thúc đẩy các hành vi thân thiện với môi trường. Họ có thể tổ chức các hội thảo, tọa đàm và sự kiện cộng đồng để giáo dục công chúng về các chủ đề như tái chế, bảo tồn năng lượng và bảo tồn môi trường sống. Một số tổ chức tiến hành nghiên cứu khoa học và giám sát môi trường để đánh giá sức khỏe của hệ sinh thái, theo dõi những thay đổi về đa dạng sinh học và xác định các mối đe dọa môi trường mới nổi. Họ có thể thu thập dữ liệu về chất lượng không khí và nước, quần thể động vật hoang dã và suy thoái môi trường sống để đưa ra các chiến lược bảo tồn và quyết định chính sách.  
  
**New Words (phần a->c trang 98 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the definitions, then fill in the blanks with the new words. Listen and repeat.** (Đọc định nghĩa, sau đó điền từ mới vào chỗ trống. Lắng nghe và lặp lại.)  
**breed:** keep animals or plants in order to produce young ones  
**reintroduce:** put a type of animal, bird, or plant back into the place where it once lived  
**boycott:** refuse to buy. use, or take part in something to show you disagree with an organization’s actions  
**campaign:** several planned activities to achieve an aim  
**protest:** say a do something to show you strongly disagree with something  
**destruction:** the act of destroying or damaging something  
**habitat:** the place where a type of animal a plant is usually found  
**overfishing:** taking so many fish from the sea that the population becomes very low  
**marine:** related to the sea and animals and plants that live there  
1. The sea is important for so many reasons. We need to protect life.  
2. Future generations won’t be able to rely on the sea for food if these companies keep \_\_\_\_\_\_\_.  
3. People are going to \_\_\_\_\_\_\_ tomorrow. They will hold up signs in the town center asking for laws to reduce pollution.  
4. A crocodile's \_\_\_\_\_\_\_ is usually humid and has saltwater.  
5. It’s often very difficult to \_\_\_\_\_\_\_ wild animals in zoos, and the baby animals sometimes have many diseases.  
6. After rescuing an injured animal, we aim to \_\_\_\_\_\_\_ it to its habitat as soon as it’s better.  
7. We should get everyone to \_\_\_\_\_\_\_ their products because they test their products on animals.  
8. The \_\_\_\_\_\_\_ caused by the hurricane was huge. Buildings, cars, and trees were all damaged.  
9. The charity has two \_\_\_\_\_\_\_s now. One to reduce air pollution and another to teach children about saving energy.   
CD2-47  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
2. overfishing  
  
  
3. protest  
  
  
4. habitat  
  
  
5. breed  
  
  
  
  
6. reintroduce  
  
  
7. boycott  
  
  
8. destruction  
  
  
9. campaign  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
**chăn nuôi:** nuôi động vật hoặc thực vật để sinh ra con non/cây con  
**đưa trở lại:** đưa một loại động vật, chim hoặc thực vật trở lại nơi nó từng sống  
**tẩy chay:** từ chối mua, sử dụng hoặc tham gia vào một hoạt động nào đó để thể hiện rằng bạn không đồng tình với các hành động của tổ chức  
**chiến dịch:** một số hoạt động được lên kế hoạch để đạt được mục tiêu  
**biểu tình:** nói hoặc làm gì đó để cho thấy bạn hoàn toàn không đồng ý với điều gì đó  
**sự phá hủy:** hành động phá hủy hoặc làm hư hỏng một cái gì đó  
**môi trường sống:** nơi thường sinh sống của một loài động hoặc thực vật  
**đánh bắt quá mức:** bắt quá nhiều cá từ biển đến mức số lượng trở nên rất ít  
**biển:** liên quan đến biển, động vật và thực vật sống ở đó  
1. Biển rất quan trọng vì rất nhiều lý do. Chúng ta cần bảo vệ sinh vật .  
2. Các thế hệ tương lai sẽ không thể dựa vào biển để lấy nguồn thức ăn nếu các công ty này tiếp tục .  
3. Ngày mai mọi người sẽ . Họ sẽ giương cao các biển hiệu ở trung tâm thị trấn để yêu cầu ban hành luật làm giảm ô nhiễm.  
4. của cá sấu thường ẩm ướt và có nước mặn.  
5. Việc động vật hoang dã trong vườn thú thường rất khó khăn và động vật con đôi khi mắc nhiều loại bệnh.  
6. Sau khi giải cứu một con vật bị thương, chúng tôi mong muốn nó môi trường sống ngay khi tình trạng của nó tốt hơn.  
7. Chúng ta nên kêu gọi mọi người các sản phẩm của họ vì họ thử nghiệm sản phẩm trên động vật.  
8. của cơn bão là rất lớn. Các tòa nhà, ô tô và cây cối đều bị hư hại.  
9. Tổ chức từ thiện hiện có hai . Một để giảm ô nhiễm không khí và một để giáo dục trẻ em về tiết kiệm năng lượng.  
**b. What kinds of things or people do charities try to help?** (Các tổ chức từ thiện cố gắng giúp đỡ những việc gì hoặc những người nào?)  
**Gợi ý:**  
Charities often provide assistance to individuals and families struggling with poverty by offering food, clothing, shelter, and financial support. They may also offer job training, education, and resources to help people break the cycle of poverty. Many charities focus on supporting children and families in various ways, such as providing access to education, healthcare, nutrition, and safe living environments. They may also offer counseling, mentoring, and recreational programs to promote positive development and well-being. Charities often offer support services to elderly and disabled individuals, including healthcare, transportation, home assistance, and social activities. They may also advocate for disability rights and accessibility. Charities play a crucial role in providing relief and assistance to communities affected by natural disasters, such as hurricanes, earthquakes, floods, and wildfires. They offer emergency aid, shelter, medical care, and rebuilding support to help communities recover and rebuild.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Các tổ chức từ thiện thường hỗ trợ các cá nhân và gia đình đang vật lộn với nghèo đói bằng cách cung cấp thực phẩm, quần áo, chỗ ở và hỗ trợ tài chính. Họ cũng có thể cung cấp đào tạo nghề, giáo dục và các nguồn lực để giúp mọi người thoát khỏi vòng lặp nghèo đói. Nhiều tổ chức từ thiện tập trung vào việc hỗ trợ trẻ em và các gia đình theo nhiều cách khác nhau, chẳng hạn như hỗ trợ trẻ em tiếp tục đi học, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và môi trường sống an toàn. Họ cũng có thể cung cấp các chương trình tư vấn, cố vấn và giải trí để thúc đẩy sự phát triển và sức khỏe tích cực. Các tổ chức từ thiện thường cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho người già và người khuyết tật, bao gồm chăm sóc sức khỏe, di chuyển, hỗ trợ tại nhà và các hoạt động xã hội. Họ cũng có thể ủng hộ quyền và khả năng tiếp cận của người khuyết tật. Các tổ chức từ thiện đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cứu trợ và hỗ trợ cho các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các thiên tai như bão, động đất, lũ lụt và cháy rừng. Họ cung cấp viện trợ khẩn cấp, nơi trú ẩn, chăm sóc y tế và hỗ trợ xây dựng lại để giúp cộng đồng phục hồi và tái xây dựng.  
**c. In pairs: Use the new words to talk about ways you or organizations have helped the environment where you live.** (Theo cặp: Sử dụng các từ mới để nói về cách bạn hoặc tổ chức đã giúp ích cho môi trường nơi bạn sống.)  
They have helped some endangered animals like turtles. (Họ đã giúp đỡ một số loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng như rùa.)  
**Gợi ý:**  
The panda's natural habitat is preserved in the bamboo forest.  
The centre has a fifty per cent success rate of reintroducing animals to the wild.  
Our organization has helped the marine environment by organizing beach clean-up events to remove litter and plastic debris from coastal areas.  
By encouraging the community to boycott single-use plastics, we have reduced plastic pollution in our local environment and protected marine life.  
The local aquarium has played a crucial role in marine conservation by breeding endangered species and reintroducing them into their natural habitats.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Môi trường sống tự nhiên của gấu trúc được bảo tồn trong rừng trúc.  
Trung tâm có tỷ lệ thành công 50% trong việc thả động vật trở lại tự nhiên.  
Tổ chức của chúng tôi đã giúp ích cho môi trường biển bằng cách tổ chức các sự kiện làm sạch bãi biển để loại bỏ rác thải và mảnh vụn nhựa khỏi các khu vực ven biển.  
Bằng cách khuyến khích cộng đồng tẩy chay đồ nhựa dùng một lần, chúng tôi đã giảm ô nhiễm nhựa ở môi trường địa phương và bảo vệ sinh vật biển.  
Thủy cung địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn biển bằng cách nhân giống các loài có nguy cơ tuyệt chủng và đưa chúng trở lại môi trường sống tự nhiên.  
  
**Reading (phần a->d trang 99 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the article about an environmental charity. Who wrote the article? Choose the correct answer.** (Đọc bài viết về một tổ chức từ thiện môi trường. Ai là tác giả bài viết? Chọn câu trả lời đúng.)  
1. someone working at Habitat Earth (ai đó đang làm việc tại Habitat Earth)  
2. a volunteer (một tình nguyện viên)  
3. a journalist (một nhà báo)  
**Habitat Earth: Our Mission and Methods**  
The human population is always glowing, and more people means more homes, more office buildings, and more roads. All this destroys natural habitats and kills many animals. At Habitat Earth, our main goal is to conserve nature for generations to come. We are a charity organization that runs programs all across the USA to protect animals and their habitats from destruction. We currently have several campaigns to do this.  
The first campaign focuses on stopping people from building things anywhere they like. For the past ten years, we have protested in endangered areas to help people become more aware of the damage that building projects are doing to their local environment and wildlife. This encourages local governments to pass laws to stop these projects. As long as we continue to do this, we can greatly reduce the damage to natural habitats.  
The next campaign is about rescuing animals. Animals that lose their habitats to urban expansion often move into cities and cause problems for people and . Our volunteers rescue these endangered animals and reintroduce them to their natural environments. As long as this work continues, these animals will not be hurt or killed.  
Our final campaign is focused on teaching children about protecting the environment. Volunteers go to schools and youth centers and show children how important it is to maintain habitats. If people grow up understanding this message, they are more likely to build a better future.  
We are always looking to more volunteers to help protect nature and the environment. If you are interested in helping us here at Habitat Earth, please go to www.habitalearth.com and sign up. You can also donate to support our work on the website.  
**Đáp án:**  
1. someone working at Habitat Earth (ai đó đang làm việc tại Habitat Earth)  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Habitat Earth: Sứ mệnh và phương pháp của chúng tôi**  
Dân số loài người tăng liên tục và nhiều người hơn đồng nghĩa với nhà cửa, các tòa nhà văn phòng và đường xá nhiều hơn. Tất cả điều này phá hủy môi trường sống tự nhiên và giết chết nhiều loài động vật. Tại Habitat Earth, mục tiêu chính của chúng tôi là bảo tồn thiên nhiên cho các thế hệ mai sau. Chúng tôi là một tổ chức từ thiện thực hiện các chương trình trên khắp Hoa Kỳ để bảo vệ động vật và môi trường sống của chúng khỏi bị phá hoại. Chúng tôi hiện đang có một số chiến dịch để thực hiện việc này.  
Chiến dịch đầu tiên tập trung vào việc ngăn chặn mọi người xây dựng mọi thứ ở bất cứ nơi nào họ thích. Trong mười năm qua, chúng tôi đã biểu tình ở những khu vực có nguy cơ tuyệt chủng để giúp mọi người nhận thức rõ hơn về thiệt hại mà các dự án xây dựng đang gây ra đối với môi trường và động vật hoang dã địa phương của họ. Điều này khuyến khích chính quyền địa phương thông qua luật để ngăn chặn các dự án này. Miễn là chúng tôi tiếp tục làm điều này, chúng tôi có thể giảm thiểu đáng kể thiệt hại đối với môi trường sống tự nhiên.  
Chiến dịch tiếp theo là về việc giải cứu động vật. Những loài động vật bị mất đi môi trường sống do mở rộng đô thị thường di chuyển vào các thành phố và gây ra nhiều vấn đề cho con người và chính chúng. Các tình nguyện viên của chúng tôi giải cứu những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng này và đưa chúng trở lại môi trường tự nhiên. Chừng nào công việc này còn tiếp tục, những loài động vật này sẽ không bị thương hay bị giết.  
Chiến dịch cuối cùng của chúng tôi tập trung vào việc giáo dục trẻ em về việc bảo vệ môi trường. Các tình nguyện viên đến các trường học và trung tâm thanh thiếu niên và cho trẻ em thấy tầm quan trọng của việc duy trì môi trường sống. Nếu các em lớn lên hiểu được thông điệp này, các em có nhiều khả năng xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn.  
Chúng tôi luôn tìm kiếm thêm tình nguyện viên để giúp bảo vệ tự nhiên và môi trường. Nếu bạn quan tâm đến việc giúp đỡ chúng tôi tại Habitat Earth, vui lòng truy cập trang web www.habitalearth.com và đăng ký. Bạn cũng có thể quyên góp để hỗ trợ công việc của chúng tôi trên trang web.  
**b. Now, read and answer the questions.** (Bây giờ hãy đọc và trả lời các câu hỏi.)  
1. What are people building because of the growing human population? \_\_\_\_\_\_\_\_  
2. The word in paragraph 3 refers to \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. Habitat Earth  
B. animals  
C. people  
3. Where do volunteers go to educate young people about the environment? \_\_\_\_\_\_\_\_  
4. According to the article, all of the following are true EXCEPT \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. building projects causes a lot of destruction  
B. Habitat Earth protects animals all around the world  
C. volunteers are needed for rescuing animals and educating children  
5. Which of the following can be inferred from the article?  
A. Habitat Earth only focuses on changing laws and rescuing animals.  
B. Habitat Earth couldn't help as much without volunteers.  
C. Habitat Earth thinks animals are more important than people.  
**Đáp án:**  
1. homes, office buildings, and roads  
2. B  
3. schools and youth centers  
4. B  
5. B  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: The human population is always glowing, and more people means more homes, more office buildings, and more roads. (Dân số loài người tăng liên tục và nhiều người hơn đồng nghĩa với nhà cửa, tòa nhà văn phòng và đường xá nhiều hơn.)  
2. Thông tin: Animals that lose their habitats to urban expansion often move into cities and cause problems for people and . (Những loài động vật bị mất đi môi trường sống do mở rộng đô thị thường di chuyển vào các thành phố và gây ra nhiều vấn đề cho con người và .)  
3. Thông tin: Volunteers go to schools and youth centers and show children how important it is to maintain habitats. (Các tình nguyện viên đến các trường học và trung tâm thanh thiếu niên và cho trẻ em thấy tầm quan trọng của việc duy trì môi trường sống.)  
4. Thông tin: We are a charity organization that runs programs all across the USA to protect animals and their habitats from destruction. (Chúng tôi là một tổ chức từ thiện thực hiện các chương trình trên khắp Hoa Kỳ để bảo vệ động vật và môi trường sống của chúng khỏi bị phá hoại.)  
5. Thông tin: We are always looking to more volunteers to help protect nature and the environment. (Chúng tôi luôn tìm kiếm thêm tình nguyện viên để giúp bảo vệ tự nhiên và môi trường.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Người ta đang xây dựng cái gì khi dân số ngày càng tăng? – nhà cửa, các tòa nhà văn phòng và đường xá  
2. Từ trong đoạn 3 đề cập đến \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. Habitat Earth  
B. các loài động vật  
C. con người  
3. Tình nguyện viên đi đến đâu để giáo dục giới trẻ về môi trường? – các trường học và trung tâm thanh thiếu niên  
4. Theo bài viết, tất cả những điều sau đây đều đúng NGOẠI TRỪ \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. dự án xây dựng gây ra nhiều sự tàn phá  
B. Habitat Earth bảo vệ các loài động vật trên toàn thế giới  
C. cần nhiều tình nguyện viên để giải cứu động vật và giáo dục trẻ em  
5. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài viết?  
A. Habitat Earth chỉ tập trung vào việc thay đổi luật pháp và giải cứu động vật.  
B. Habitat Earth không thể giúp đỡ nhiều nếu không có tình nguyện viên.  
C. Habitat Earth cho rằng động vật quan trọng hơn con người.  
**c. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2-48  
**d. In pairs: Would you like to volunteer at Habitat Earth? Why? What do you think is the most important thing they do?** (Theo cặp: Bạn có muốn tình nguyện tại Habitat Earth không? Tại sao? Bạn nghĩ điều quan trọng nhất họ làm là gì?)  
**Gợi ý:**  
A: Would you like to volunteer at Habitat Earth?  
B: I’d like to volunteer at Habitat Earth. Volunteering at Habitat Earth seems like a meaningful way to contribute to environmental conservation. The most important thing they do is likely rescuing endangered animals and reintroducing them to their natural habitats, as this directly saves lives and helps maintain biodiversity.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn có muốn tình nguyện tại Habitat Earth không?  
B: Tôi muốn làm tình nguyện viên tại Habitat Earth. Hoạt động tình nguyện tại Habitat Earth dường như là một cách ý nghĩa để góp phần bảo tồn môi trường. Điều quan trọng nhất họ làm là giải cứu các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng và đưa chúng trở lại môi trường sống tự nhiên, vì điều này trực tiếp cứu sống chúng và giúp duy trì đa dạng sinh học.  
  
**Grammar (phần a->e trang 99-100 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about adverbial clauses of condition, then fill in the blank.**  
  
**Đáp án:**  
- As long as people keep leaving trash at the beach, water pollution will get worse.  
- OK. Let’s volunteer for a clean-up.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Chừng nào người ta còn vứt rác ở bãi biển thì tình trạng ô nhiễm nước sẽ ngày càng trầm trọng hơn.  
- Được rồi. Chúng ta hãy đi làm tình nguyện cho 1 buổi dọn dẹp đi.  
  
  
  
  
**Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện**  
Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện diễn tả một điều kiện cần thiết để một điều gì đó khác xảy ra. Thường bắt đầu bằng **if – nếu, unless – trừ khi, as long as – miễn là, provided that** **– miễn là/với điều kiện là** và **in case – phòng khi/ trong trường hợp**.  
• **If:** đề cập đến một tình huống có thể xảy ra ở hiện tại/tương lai (Câu điều kiện loại 1) hoặc một tình huống không có thật ở hiện tại (Câu điều kiện loại 2)  
**If** we don't reduce pollution, animal populations will continue to decrease. (Nếu chúng ta không giảm thiểu ô nhiễm, quần thể động vật sẽ tiếp tục giảm.)  
**If** I were the mayor, I'd ban plastic bags and bottles. (Nếu tôi là thị trưởng, tôi sẽ cấm túi ni lông và chai lọ.)  
• **Unless:** if ... not (nếu ... không thì)  
Air pollution will continue **unless** we ban cars. (Ô nhiễm không khí sẽ tiếp tục trừ khi chúng ta cấm ô tô.)  
• **As long as/provided that:** only if (với điều kiện là)  
**As long as/Provided that** we have enough volunteers, our campaigns will be successful. (Miễn là chúng tôi có đủ tình nguyện viên thì các chiến dịch của chúng tôi sẽ thành công.)  
• **In case:** nếu việc gì đó xảy ra trong tương lai  
**In case** it rains, we should give volunteers raincoats. (Trong trường hợp trời mưa, chúng ta nên phát áo mưa cho tình nguyện viên.)  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-49  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện**  
**If** + **Hiện tại đơn,** Tương lai đơn  
**If everyone boycotts companies that are polluting our environment**, they'll have to make changes. (Nếu mọi người tẩy chay những công ty gây ô nhiễm môi trường, họ sẽ phải thay đổi.)  
**If** + **Quá khứ đơn**, … would + V-inf.  
**If fossil fuels were banned worldwide**, we'd be able to slow down global warming. (Nếu nhiên liệu hóa thạch bị cấm trên toàn thế giới, chúng ta có thể làm chậm quá trình nóng lên toàn cầu.)  
**Unless/As long as/Provided that/In case** + **mệnh đề**, mệnh đề chính  
**Unless people stop polluting the rivers**, there won't be any dean water to use. (Trừ khi con người ngừng làm ô nhiễm các dòng sông, nếu không sẽ không có nước sạch để sử dụng.)  
**As long as/Provided that people stop cutting down trees**, the amount of wildlife will increase. (Miễn là con người ngừng chặt cây thì số lượng động vật hoang dã sẽ tăng lên.)  
**In case we can't reintroduce the animals to their habitats**, we should prepare space in the shelter. (Trong trường hợp chúng ta không thể đưa động vật trở lại môi trường sống của chúng, chúng ta nên chuẩn bị không gian trong trại trú ẩn.)  
Chúng ta cũng có thể sử dụng mệnh đề trạng ngữ sau mệnh đề chính.  
Animals will continue to lose their habitats **unless we reduce deforestation**. (Động vật sẽ tiếp tục mất đi môi trường sống trừ khi chúng ta giảm nạn phá rừng.)  
  
  
  
  
**c. Underline the mistakes and write the correct words on the lines.** (Hãy gạch dưới những lỗi sai và viết những từ đúng vào các dòng.)  
1. We can protect marine life, as long as we teach children about the importance of recycling.  
2. Unless we stopping the destruction of habitats, more species will become endangered.  
3. The beach will remain beautiful as long they organize a monthly clean-up.  
4. I'll collect the donations, in case you're busy with training volunteers.  
5. Populations will continue to decrease if we won't stop cutting down trees.  
**Đáp án:**  
1. life, as → life as  
2. stopping → stop  
3. long they → long as they  
4. donations, in → donations in  
5. won’t → don’t  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Chúng ta có thể bảo vệ sinh vật biển miễn là chúng ta giáo dục trẻ em về tầm quan trọng của việc tái chế.  
2. Trừ khi chúng ta ngăn chặn việc phá hủy môi trường sống, nếu không nhiều loài sẽ có nguy cơ tuyệt chủng hơn.  
3. Bãi biển sẽ vẫn đẹp miễn là họ tổ chức dọn dẹp hàng tháng.  
4. Tôi sẽ thu tiền quyên góp trong trường hợp bạn bận đào tạo tình nguyện viên.  
5. Dân số sẽ tiếp tục giảm nếu chúng ta không ngừng chặt cây.  
**d. Choose the sentence that is closest in meaning to each of the following sentences.** (Chọn câu gần nghĩa nhất với mỗi câu sau.)  
1. Unless we breed endangered animals, they will go extinct.  
A. If we breed endangered animals, they will go extinct.  
B. If we don't breed endangered animals, they will go extinct.  
C. In case we breed endangered animals, they won't go extinct.  
2. Rescuers won't reintroduce injured animals to their habitats unless they get better.  
A. As long as rescuers reintroduce injured animals to their habitats, they will get better.  
B. If the animals get better, rescuers will reintroduce them to their habitats.  
C. Provided that animals are reintroduced to habitats, they will get better.  
3. As long as we protest about people overfishing, we will save the fish populations.  
A. Protesting about the fish populations will reduce overfishing.  
B. If we stop overfishing, we can increase fish populations.  
C. We can save the fish populations if we protest about people overfishing.  
4. If we don't boycott it, the company will continue to test products on animals.  
A. The company will stop testing products on animals unless we boycott them.  
B. As long as we boycott them, the company will start testing products on animals.  
C. The company won't stop testing products on animals unless we boycott them.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. B  
  
  
3. C  
  
  
4. C  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Trừ khi chúng ta nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, chúng sẽ bị tuyệt chủng.  
A. Nếu chúng ta nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, chúng sẽ bị tuyệt chủng.  
B. Nếu chúng ta không nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, chúng sẽ bị tuyệt chủng.  
C. Trong trường hợp chúng ta nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng thì chúng sẽ không bị tuyệt chủng.  
2. Lực lượng cứu hộ sẽ không đưa những động vật bị thương trở lại môi trường sống của chúng trừ khi chúng khỏe hơn.  
A. Miễn là lực lượng cứu hộ đưa những động vật bị thương trở lại môi trường sống của chúng, chúng sẽ khỏe lại.  
B. Nếu động vật khỏe hơn, lực lượng cứu hộ sẽ đưa chúng trở lại môi trường sống của chúng.  
C. Với điều kiện là động vật được đưa trở lại môi trường sống, chúng sẽ khỏe hơn.  
3. Miễn là chúng ta phản đối việc người dân đánh bắt quá mức, chúng ta sẽ cứu được quần thể cá.  
A. Phản đối quần thể cá sẽ làm giảm việc đánh bắt quá mức.  
B. Nếu chúng ta ngừng đánh bắt quá mức, chúng ta có thể tăng số lượng cá.  
C. Chúng ta có thể cứu quần thể cá nếu chúng ta phản đối việc người dân đánh bắt quá mức.  
4. Nếu chúng ta không tẩy chay, công ty sẽ tiếp tục thử nghiệm sản phẩm trên động vật.  
A. Công ty sẽ ngừng thử nghiệm sản phẩm trên động vật trừ khi chúng ta tẩy chay các sản phẩm đó.  
B. Miễn là chúng ta tẩy chay các sản phẩm của công ty, họ sẽ bắt đầu thử nghiệm sản phẩm trên động vật.  
C. Công ty sẽ không ngừng thử nghiệm sản phẩm trên động vật trừ khi chúng ta tẩy chay các sản phẩm đó.  
**e. In pairs: Talk about environmental problems near where you live using adverbial clauses of condition and the prompts below.** (Theo cặp: Nói về các vấn đề môi trường gần nơi bạn sống bằng cách sử dụng mệnh đề trạng ngữ chỉ điều kiện và các gợi ý bên dưới.)  
  
  
  
  
... unless the government ... (… trừ khi chính phủ …)  
... unless we start ... (… trừ khi chúng ta bắt đầu …)  
... in case they don't ... (… trong trường hợp họ không …)  
As long as we keep ... (Miễn là chúng ta tiếp tục …)  
Provided that companies stop ... (Miễn là các công ty dừng …)   
As long as we build ... (Miễn là chúng ta xây dựng …)  
  
  
  
  
The land will stay polluted unless the government has someone clean it. (Đất sẽ bị ô nhiễm trừ khi chính phủ cử người làm sạch nó.)  
**Gợi ý:**  
- Our environment will continue to degrade, leading to more frequent and severe natural disasters unless we start investing in renewable energy technologies, such as solar and wind power.  
- Our reliance on fossil fuels will exacerbate climate change in case they don't prioritize renewable energy sources.  
- As long as we keep polluting our rivers and lakes with industrial waste, aquatic life will continue to suffer.  
- Provided that companies stop clear-cutting forests for development, we can preserve vital ecosystems and biodiversity.  
- As long as we build more highways and urban infrastructure without considering environmental sustainability, habitats for wildlife will be destroyed.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Môi trường của chúng ta sẽ tiếp tục suy thoái, dẫn đến thiên tai xảy ra thường xuyên và nghiêm trọng hơn nếu chúng ta không bắt đầu đầu tư vào các công nghệ năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và năng lượng gió.  
- Sự phụ thuộc của chúng ta vào nhiên liệu hóa thạch sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng biến đổi khí hậu trong trường hợp chúng ta không ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo.  
- Miễn là chúng ta còn tiếp tục làm ô nhiễm sông hồ bằng chất thải công nghiệp, sự sống thủy sinh sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng.  
- Với điều kiện các công ty ngừng chặt phá rừng để phát triển, chúng ta có thể bảo tồn các hệ sinh thái quan trọng và đa dạng sinh học.  
- Miễn là chúng ta còn xây dựng thêm nhiều đường cao tốc và cơ sở hạ tầng đô thị mà không tính đến tính bền vững của môi trường thì môi trường sống của động vật hoang dã sẽ bị hủy hoại.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 100 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Homophones are different words that sound the same.** (Từ đồng âm là những từ khác nhau được phát âm giống nhau.)  
**aunt/ant** /ænt/ (dì/ con kiến)  
**eight/ate** /eɪt/ (tám/ đã ăn)  
**b. Listen. Notice the sounds of the different words are the same.** (Nghe. Chú ý âm thanh của các từ khác nhau có phát âm giống nhau.)  
there/their  
buy/by  
CD2-50  
**Hướng dẫn dịch:**  
there/their /ðeər/ (ở đó/của họ)   
buy/by /baɪ/ (mua/bằng cách)  
**c. Listen and circle the words that sound the same.** (Hãy nghe và khoanh tròn những từ có phát âm giống nhau.)  
1. read/red  
2. seen/scene  
3. son/sun  
CD2-51  
**Đáp án:**  
2. seen/scene  
3. son/sun  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. read/red /riːd/ /red/ (đọc/màu đỏ)  
2. seen/scene /siːn/ (được nhìn thấy/cảnh vật)  
3. son/sun /sʌn/ (con trai/mặt trời)  
**d. Take turns saying the words in Task c while your partner points to them.** (Lần lượt nói các từ trong Bài tập c trong khi bạn của bạn chỉ vào chúng.)  
  
**Practice (phần a->b trang 101 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then ask and answer questions about the environmental charities using the prompts.** (Nghe, sau đó hỏi và trả lời về tổ chức từ thiện môi trường, sử dụng các gợi ý.)  
CD2-52  
- What do you think about Forest Friends?  
- I think they're great. They rescue endangered animals and breed them.  
- That's great.  
- Yeah. As long as they keep doing that, the animals won't go extinct.  
- Amazing. What else do they do?  
  
**Gợi ý:**  
- What do you think about Forest Friends?  
- I think they're great. They rescue endangered animals and breed them.  
- That's great.  
- Yeah. As long as they keep doing that, the animals won't go extinct.  
- Amazing. What else do they do?  
- They also protest against deforestation.  
- That's important.  
- Yes. Many animals will suffer unless more people care about deforestation.  
\*\*\*  
- What do you think about The World's a Garden?  
- I think they do wonderful work. They build community gardens around the USA.  
- That's fantastic.  
- Yes. It will reduce air pollution as long as they keep doing it.  
- Really impressive. What else do they do?  
- They teach children about the importance of recycling.  
- That's very educational.  
- Yes. As long as everyone recycles, land pollution will not get worse.  
\*\*\*  
- What do you think about Safe Play?  
- I think they are very helpful. They organize park clean-ups.  
- That's great for the community.  
- Yes. If parks are not clean, children will not use them.  
- True. What else do they focus on?  
- They build parks in large cities.  
- That's necessary.  
- Yes. Cities will continue to lack wildlife unless they have more habitats.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Bạn nghĩ gì về Forest Friends?  
- Tôi nghĩ rằng họ rất tuyệt vời. Họ giải cứu các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng và nhân giống chúng.  
- Điều đó thật tuyệt.  
- Đúng vậy. Miễn là họ tiếp tục làm như vậy thì các loài động vật sẽ không bị tuyệt chủng.  
- Tuyệt vời. Họ còn làm gì nữa?  
- Họ còn phản đối nạn phá rừng.  
- Điều đó rất quan trọng.  
- Đúng vậy. Nhiều loài động vật sẽ chịu hậu quả nếu không có nhiều người quan tâm đến nạn phá rừng.  
\*\*\*  
- Bạn nghĩ gì về The World's a Garden?  
- Tôi nghĩ rằng họ làm công việc rất tuyệt vời. Họ xây dựng các vườn cộng đồng trên khắp nước Mỹ.  
- Điều đó thật tuyệt vời.  
- Đúng vậy. Điều đó sẽ làm giảm ô nhiễm không khí miễn là họ tiếp tục xây vườn cộng đồng.  
- Thật ấn tượng. Họ còn làm gì nữa?  
- Họ còn giáo dục trẻ em về tầm quan trọng của việc tái chế.  
- Điều đó rất có tính giáo dục.  
- Đúng vậy. Miễn là mọi người tái chế, tình trạng ô nhiễm đất sẽ không trở nên tồi tệ hơn.  
\*\*\*  
- Bạn nghĩ gì về Safe Play?  
- Tôi nghĩ rằng họ rất hữu ích. Họ tổ chức các buổi dọn dẹp công viên.  
- Điều đó có lợi cho cộng đồng.  
- Đúng vậy. Nếu công viên không sạch sẽ, trẻ em sẽ không sử dụng chúng.  
- Đúng vậy. Họ còn tập trung vào điều gì nữa?  
- Họ xây dựng các công viên trong các thành phố lớn.  
- Điều đó rất cần thiết.  
- Đúng vậy. Các thành phố sẽ tiếp tục thiếu động vật hoang dã nếu không có thêm môi trường sống cho chúng.  
**b. Practice again with your own ideas.** (Thực hành lại với ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
- What do you think about EcoGuardians?  
- I think they're doing really important work.  
- Oh yeah? What do they do?  
- Well, they focus on cleaning up polluted rivers and lakes. As long as they keep doing that, the aquatic ecosystems will improve.  
- That's impressive. What else are they involved in?  
- They also organize beach clean-up events. Unless beaches are kept clean, marine life and beachgoers won't be able to enjoy them.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Bạn nghĩ gì về EcoGuardians?  
- Tôi nghĩ họ đang làm công việc thực sự quan trọng.  
- Ồ vậy à? Họ làm gì thế?  
- À, họ tập trung vào việc làm sạch sông hồ bị ô nhiễm. Chỉ cần họ tiếp tục làm điều đó thì hệ sinh thái dưới nước sẽ được cải thiện.  
- Ấn tượng đấy. Họ còn tham gia vào việc gì nữa?  
- Họ còn tổ chức các sự kiện làm sạch bãi biển. Trừ khi các bãi biển được giữ sạch sẽ, sinh vật biển và những người đi biển sẽ không thể tận hưởng chúng.  
  
**Speaking (phần a->b trang 101 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
TOGETHER, WE CAN HELP!  
**a. You and your friends want to volunteer for an environmental charity. In pairs: Read about the two charities' work below and discuss their impact on the environment. Then choose which charity you want to volunteer for.** (Bạn và bạn bè của bạn muốn tình nguyện cho một tổ chức từ thiện môi trường. Theo cặp: Đọc về công việc của hai tổ chức từ thiện dưới đây và thảo luận về tác động của chúng đối với môi trường. Sau đó chọn tổ chức từ thiện mà bạn muốn tình nguyện.)  
- I think organizing beach clean-ups is pretty important. (Tôi nghĩ việc tổ chức dọn dẹp bãi biển là khá quan trọng.)  
- I agree. The beaches will get dirty, and tourists won't visit them unless we clean them up. (Tôi đồng ý. Các bãi biển sẽ bẩn và khách du lịch sẽ không đến thăm trừ khi chúng ta dọn sạch chúng.)  
- You're right. As long as they look nice, lots of tourists will still visit them. (Bạn nói đúng. Miễn là chúng trông đẹp thì rất nhiều khách du lịch vẫn sẽ đến thăm chúng.)  
  
  
  
  
**A Drop in the Ocean**  
**(Một giọt nước trong đại dương)**  
  
  
**Forever Forests**  
**(Rừng vĩnh cửu)**  
  
  
  
  
• Organize beach clean-ups (Tổ chức dọn dẹp bãi biển)  
  
  
• Fight for laws to reduce deforestation (Đấu tranh đòi luật giảm nạn phá rừng)  
  
  
  
  
• Rescue endangered or injured marine life (Cứu hộ sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị thương)  
  
  
• Plant trees to rebuild animals' habitats (Trồng cây để xây dựng lại môi trường sống của động vật)  
  
  
  
  
• Protest against overfishing (Phản đối việc đánh bắt quá mức)  
  
  
• Rescue and breed endangered forest animals (Cứu hộ và nhân giống các loài động vật rừng có nguy cơ tuyệt chủng)  
  
  
  
  
• Inform the public about companies that pollute the oceans (Thông báo cho công chúng biết về các công ty gây ô nhiễm đại dương)  
  
  
• Teach children about the importance of forests (Giáo dục trẻ về tầm quan trọng của rừng)  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
A: Have you heard about the recent efforts to rescue endangered or injured marine life?  
B: Yes, I think it's incredible how organizations are dedicated to saving marine animals.  
A: Absolutely. By rescuing these animals, they're not only preventing species extinction but also preserving the balance of marine ecosystems.  
B: Definitely. It's crucial for maintaining biodiversity and the health of our oceans.  
A: I read about protests against overfishing. What are your thoughts on that?  
B: Overfishing is a significant issue that threatens the stability of marine ecosystems and the livelihoods of coastal communities.  
A: Exactly. By protesting against overfishing, organizations are advocating for sustainable fishing practices and the protection of fish stocks.  
B: Their actions can lead to better management of fisheries and the restoration of depleted fish populations.  
A: Did you know that some organizations are informing the public about companies that pollute the oceans?  
B: Yes, I think it's important for consumers to be aware of the environmental impact of their purchasing decisions.  
A: Absolutely. By raising awareness about ocean pollution, these organizations are encouraging people to make more sustainable choices and hold polluting companies accountable.  
B: It's a crucial step towards reducing marine pollution and protecting our oceans for future generations.  
A: Have you heard about the fight for laws to reduce deforestation?  
B: Yes, deforestation is a pressing issue that contributes to habitat loss, biodiversity decline, and climate change.  
A: By advocating for laws to reduce deforestation, organizations are working towards preserving forest ecosystems and mitigating the effects of climate change.  
B: Their efforts can lead to improved forest management practices and the protection of invaluable ecosystems.  
A: I recently learned about initiatives to plant trees to rebuild animals' habitats. What do you think?  
B: Planting trees is essential for restoring degraded habitats and providing homes for wildlife.  
A: Exactly. By planting trees, organizations are not only promoting biodiversity but also sequestering carbon and mitigating climate change.  
B: Their actions contribute to the restoration of ecosystems and the conservation of endangered species.  
A: Have you heard about organizations that rescue and breed endangered forest animals?  
B: Yes, I think it's commendable how they're working to prevent species extinction and preserve genetic diversity.  
A: Absolutely. By rescuing and breeding endangered animals, they're helping to maintain healthy forest ecosystems and protect the ecosystem.  
B: Their efforts are vital for conserving biodiversity and ensuring the survival of endangered species.  
A: Lastly, what do you think about teaching children about the importance of forests?  
B: I believe it's crucial to educate children about the value of forests and instill a sense of environmental stewardship from a young age.  
A: Definitely. By teaching children about forests, organizations are fostering a deeper appreciation for nature and empowering future generations to protect our natural resources.  
B: Their education programs can inspire children to become environmental advocates and make positive contributions to conservation efforts.  
- We believe that volunteering for Forever Forests will allow us to make a significant and lasting impact on the environment by addressing the root causes of deforestation and promoting conservation efforts in forests worldwide.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn đã nghe nói về những nỗ lực gần đây để giải cứu sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng hoặc bị thương chưa?  
B: Có, tôi nghĩ thật đáng kinh ngạc khi các tổ chức lại tận tâm cứu lấy động vật biển.  
A: Chắc chắn rồi. Bằng cách giải cứu những loài động vật này, họ không chỉ ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài mà còn bảo vệ sự cân bằng của hệ sinh thái biển.  
B: Đúng vậy. Điều quan trọng là duy trì đa dạng sinh học và sức khỏe của đại dương của chúng ta.  
A: Tôi đã đọc về các cuộc biểu tình phản đối việc đánh bắt quá mức. Bạn có suy nghĩ gì về việc đó?  
B: Đánh bắt quá mức là một vấn đề nghiêm trọng đe dọa sự ổn định của hệ sinh thái biển và sinh kế của các cộng đồng ven biển.  
A: Chính xác. Bằng cách biểu tình việc đánh bắt quá mức, các tổ chức đang ủng hộ các hoạt động đánh bắt bền vững và bảo vệ nguồn cá.  
B: Hành động của họ có thể giúp việc quản lý nghề cá tốt hơn và phục hồi quần thể cá đang dần khan hiếm.  
A: Bạn có biết rằng một số tổ chức đang thông báo cho công chúng biết về các công ty gây ô nhiễm đại dương không?  
B: Có, tôi nghĩ điều quan trọng là người tiêu dùng phải nhận thức được tác động môi trường từ các quyết định mua hàng của họ.  
A: Chắc chắn rồi. Bằng cách nâng cao nhận thức về ô nhiễm đại dương, các tổ chức này đang khuyến khích mọi người đưa ra những lựa chọn bền vững hơn và yêu cầu các công ty gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm.  
B: Đó là một bước quan trọng hướng tới việc giảm ô nhiễm biển và bảo vệ đại dương của chúng ta cho các thế hệ tương lai.  
A: Bạn đã nghe nói về cuộc đấu tranh ủng hộ luật giảm nạn phá rừng chưa?  
B: Rồi, nạn phá rừng là một vấn đề cấp bách làm mất môi trường sống, suy giảm đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu.  
A: Bằng cách ủng hộ luật giảm nạn phá rừng, các tổ chức đang nỗ lực bảo tồn hệ sinh thái rừng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.  
B: Những nỗ lực của họ có thể dẫn đến cải thiện các hoạt động quản lý rừng và bảo vệ các hệ sinh thái vô giá.  
A: Gần đây tôi đã biết về sáng kiến trồng cây để xây dựng lại môi trường sống của động vật. Bạn nghĩ sao?  
B: Trồng cây là điều cần thiết để khôi phục môi trường sống bị suy thoái và cung cấp chỗ ở cho động vật hoang dã.  
A: Chính xác. Bằng cách trồng cây, các tổ chức không chỉ thúc đẩy đa dạng sinh học mà còn làm giảm lượng carbon và giảm thiểu biến đổi khí hậu.  
B: Hành động của họ góp phần phục hồi hệ sinh thái và bảo tồn các loài có nguy cơ tuyệt chủng.  
A: Bạn đã nghe nói về các tổ chức cứu hộ và nhân giống các loài động vật rừng có nguy cơ tuyệt chủng chưa?  
B: Rồi, tôi nghĩ thật đáng khen ngợi cách họ đang nỗ lực ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài và bảo tồn sự đa dạng di truyền.  
A: Chắc chắn rồi. Bằng cách giải cứu và nhân giống các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, họ đang giúp duy trì hệ sinh thái rừng khỏe mạnh và bảo vệ hệ sinh thái.  
B: Những nỗ lực của họ rất quan trọng để bảo tồn đa dạng sinh học và đảm bảo sự sống sót của các loài có nguy cơ tuyệt chủng.  
A: Cuối cùng, bạn nghĩ gì về việc giáo dục trẻ em về tầm quan trọng của rừng?  
B: Tôi tin rằng việc giáo dục trẻ em về giá trị của rừng và thấm nhuần ý thức quản lý môi trường từ khi còn nhỏ là rất quan trọng.  
A: Chắc chắn rồi. Bằng cách giáo dục trẻ em về rừng, các tổ chức đang nuôi dưỡng sự trân trọng sâu sắc hơn đối với thiên nhiên và trao quyền cho các thế hệ tương lai để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của chúng ta.  
B: Các chương trình giáo dục của họ có thể truyền cảm hứng cho trẻ em trở thành những người ủng hộ môi trường và đóng góp tích cực cho các nỗ lực bảo tồn.  
- Chúng tôi tin rằng hoạt động tình nguyện cho Forever Forests sẽ cho phép chúng tôi tạo ra tác động đáng kể và lâu dài đến môi trường bằng cách giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của nạn phá rừng và thúc đẩy các nỗ lực bảo tồn rừng trên toàn thế giới.  
**b. Join another pair. Do you agree on the importance of each charity? Do you have the same reasons?** (Tham gia một cặp khác. Bạn có đồng ý về tầm quan trọng của mỗi tổ chức từ thiện không? Bạn có lý do tương tự không?)  
- We thought the work of A Drop in the Ocean was really important. (Chúng tôi nghĩ công việc của tổ chức A Drop in the Ocean thực sự quan trọng.)  
- So did we. Unless we fight to stop overfishing, there won't be many fish left in the oceans. (Chúng tôi cũng nghĩ vậy. Trừ khi chúng ta đấu tranh để ngăn chặn việc đánh bắt quá mức, sẽ không còn nhiều cá ở các đại dương nữa.)  
**Gợi ý:**  
C: Absolutely, overfishing is a significant threat to marine ecosystems and global food security.  
D: Yes, by addressing overfishing, organizations like A Drop in the Ocean are safeguarding the health of marine environments and ensuring sustainable fisheries for future generations.  
A: Exactly. And their efforts to rescue endangered marine life also contribute to the preservation of biodiversity.  
B: Definitely. By rescuing endangered marine species, they're preventing further declines in population numbers and protecting the balance of marine ecosystems.  
**Hướng dẫn dịch:**  
C: Chắc chắn rồi, đánh bắt quá mức là mối đe dọa lớn đối với hệ sinh thái biển và an ninh lương thực toàn cầu.  
D: Đúng vậy, bằng cách giải quyết tình trạng đánh bắt quá mức, các tổ chức như A Drop in the Ocean đang bảo vệ sức khỏe của môi trường biển và đảm bảo nghề cá bền vững cho các thế hệ tương lai.  
A: Chính xác. Và những nỗ lực giải cứu sinh vật biển đang bị đe dọa của họ cũng góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.  
B: Chắc chắn rồi. Bằng cách giải cứu các loài sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng, họ đang ngăn chặn sự suy giảm thêm về số lượng quần thể và bảo vệ sự cân bằng của hệ sinh thái biển.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 9 Lesson 2 (trang 102, 103, 104, 105)  
Unit 9 Lesson 3 (trang 106, 107, 108)